

BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM TRỌNG YẾU SỬA ĐỔI TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

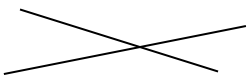
(Kèm theo Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
	Điều 1. Giải thích các thuật ngữ	<i>Điểm e Khoản 1 Điều 1:</i> e. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;	<i>Sửa lại thành điểm a Khoản 1 Điều 1:</i> a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	Theo Điểm a Khoản 1 Điều 1 - Điều lệ mẫu
	“	<i>Không có giải thích này trong Khoản 1 Điều 1</i>	<i>Bổ sung thêm:</i> c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;	Theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 - Điều lệ mẫu
	“	<i>Điểm h Khoản 1 Điều 1:</i> h. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và Trưởng các phòng ban;	<i>Sửa lại thành Điểm e Khoản 1 Điều 1</i> e. " Người điều hành doanh nghiệp " là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc của công ty;	Theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 - Điều lệ mẫu
	“	<i>Điểm e Khoản 1 Điều 1:</i> e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp ;	<i>Sửa lại thành Điểm f Khoản 1 Điều 1:</i> f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán	Theo Điểm f Khoản 1 Điều 1 - Điều lệ mẫu
	“	<i>Không có giải thích này trong Khoản 1 Điều 1</i>	<i>Bổ sung thêm:</i> g. " Cổ đông lớn " là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	Theo Điểm g Khoản 1 Điều 1 - Điều lệ mẫu
	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, CN, VP đại diện và thời hạn HĐ Công ty	<i>Khoản 4 Điều 2</i> "Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty"	<i>Bổ sung tại Điều 3</i> Công ty có hai người đại diện theo pháp luật, bao gồm: 1. Ông Phan Hải Triều – Chủ tịch Hội đồng quản trị; 2. Ông Nguyễn Ngọc Bằng – Tổng giám đốc; Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền hạn và nghĩa vụ sau đây: a) Đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp.	Quy định trong Điều 3 Điều lệ mới

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
			<p>b) Đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.</p> <p>c) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật</p>	
	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	<i>Khoản 1 Điều 3: “Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là”</i>	<i>Sửa lại ở khoản 1 Điều 4 là:</i> “ Ngành nghề kinh doanh của Công ty ”	Bản chất là ghi lại ngành nghề theo GCN ĐKDN
	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	<i>Khoản 1 Điều 4:</i> “Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.”	<i>Sửa lại ở Khoản 1 Điều 5 là:</i> 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Theo khoản 1 Điều 5 - Điều lệ mẫu
		<i>Khoản 2 Điều 4:</i> “Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn”	<i>Sửa lại ở Khoản 2, Điều 5 là:</i> “Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua ”	Theo khoản 2 Điều 5 - Điều lệ mẫu
	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.	<i>Khoản 2 Điều 5:</i> 1. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	<i>Sửa lại ở Khoản 2, Điều 6 là:</i> 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Theo khoản 2 Điều 6 - Điều lệ mẫu
	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	<i>Khoản 2 Điều 6:</i> 2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Tổng Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần	<i>Sửa lại ở Khoản 2 Điều 7 – Chứng nhận cổ phiếu:</i> 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.	Theo Khoản 2 Điều 7 - Điều lệ mẫu
	“	<i>Khoản 5 Điều 6:</i>	<i>Sửa lại ở khoản 4 Điều 7 là:</i>	Theo khoản 4 Điều

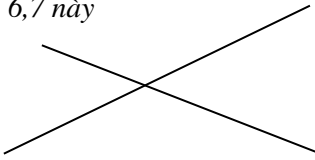
TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy , người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng Công ty.	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	7- Điều lệ mẫu
	Điều 11. Quyền của cổ đông	<i>Điểm f Khoản 2 Điều 11:</i> e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	<i>Sửa lại tách thành 2 mục ở Khoản 2, Điều 12 là:</i> e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;	Điểm e và f Khoản 2 Điều 12- Điều lệ mẫu
	“	<i>Điểm g Khoản 2 Điều 11:</i> g. Trường hợp Tổng Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;	<i>Sửa lại là ở điểm h Khoản 2 Điều 12:</i> h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	Điểm h Khoản 2 Điều 12- Điều lệ mẫu
	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông		<i>Bổ sung khoản 2 Điều 13:</i> 1. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	Khoản 2 Điều 13- Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		<p><i>Khoản 6 Điều 12</i></p> <p>Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Tổng công ty và các cổ đông khác</p>	<p><i>Bỏ nội dung này</i></p>	<p>Điều lệ mẫu không có</p>
	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><i>Khoản 2 Điều 13:</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p>	<p><i>Sửa lại ở Khoản 2, Điều 14 là:</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>Khoản 2 Điều 14- Điều lệ mẫu</p>
	<p>“</p>	<p><i>Điểm c Khoản 3 Điều 13</i></p> <p>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p>	<p><i>Sửa lại ở Điểm b, Khoản 3 Điều 14 là:</i></p> <p>Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p>	<p>Điểm c Mục 3 Điều 14- Điều lệ mẫu</p>
	<p>“</p>	<p><i>Điểm d Mục 3 Điều 13</i></p> <p>d.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (<i>văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan</i>);</p>	<p><i>Sửa lại ở điểm c Khoản 3 Điều 14 là:</i></p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	<p>Điểm c Khoản 3 Điều 14- Điều lệ mẫu</p>
	<p>“</p>	<p><i>Điểm a Khoản 4 Điều 13</i></p>	<p><i>Sửa lại ở Điểm a, Khoản 4 Điều 14 là:</i></p>	

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		a.Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và Khoản 3e Điều 13	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;	Điểm a Khoản 4 Điều 14- Điều lệ mẫu
	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	<i>Điểm e Khoản 2 Điều 14</i> e.Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;	<i>Bỏ bớt ở Điểm e Khoản 2 Điều 15:</i> e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;	Điểm e Khoản 2 Điều 15- Điều lệ mẫu
	“	<i>Điểm n Khoản 2 Điều 14</i> n.Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ</i> 	Không có trong Điều 15- Điều lệ mẫu
	“	<i>Điểm o Khoản 2 Điều 14</i> o. Tổng Công ty hoặc các chi nhánh của Tổng Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	<i>Sửa lại ở Điểm n Khoản 2 Điều 14 là</i> n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Theo Điểm n Khoản 2 Điều 15- Điều lệ mẫu
	Điều 15. Các Đại diện được ủy quyền	<i>Điểm a, b Khoản 2 Điều 15</i> a.Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; b.Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;	<i>Sửa lại ở Điều a, b, Khoản 2 Điều 16:</i> a.Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp b.Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;	Điểm a, b Khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
	Điều 16. Thay đổi các quyền	<p><i>Khoản 1 Điều 16</i></p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Tổng công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p>	<p><i>Sửa lại ở Khoản 1 Điều 17 là:</i></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p>	Khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu
	Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	<p><i>Khoản 2 Điều 17</i></p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p><i>Sửa lại là:</i></p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội</p>	Khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu
“		<p><i>Khoản 3 Điều 17</i></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài</p>	<p><i>Sửa lại ở Khoản 3, Điều 18:</i></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự</p>	Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		<p>liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	
	<p>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><i>Khoản 4 Điều 17</i></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p><i>Sửa lại ở Khoản 4, Điều 18 là:</i></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành</p>	<p>Khoản 4 Điều 18 Điều lệ mẫu</p>

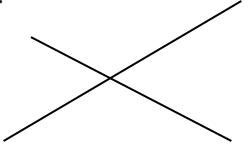
TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
			lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiên nghị đưa vào chương trình họp.	
	Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	<i>Khoản 6, 7 Điều 17</i> 6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp. 7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	<i>Bỏ khoản 6,7 này</i> 	Không có trong Điều 18 Điều lệ mẫu
	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều lệ cũ quy định thời gian tối thiểu để tính số lượng cổ đông tham dự Đại hội lần 1 và lần 2 là 30 phút	Sửa ở Khoản 2 và 3 Điều 19, quy định thời gian tối thiểu để tính số lượng cổ đông tham dự Đại hội lần 1 và lần 2 là 60 phút	Sửa lại 60 phút để tạo điều kiện cho cổ đông tham dự họp.
	Điều 19 . Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	<i>Khoản 2 Điều 19</i> 2.....Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba người	<i>Sửa lại ở Khoản 2 Điều 20 Điều lệ</i> 2.....Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu
“		<i>Khoản 4 Điều 19</i> 4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập	<i>Sửa lại là :</i> 4.Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, <u>Trường Ban kiểm soát điều khiển để</u> Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số	Khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.	
		5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.	Sửa lại ở Khoản 5, Khoản 6 Điều 20 5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. 6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự	Khoản 5, 6 Điều 20 Điều lệ mẫu
	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<i>Khoản 3 Điều 20</i> <i>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</i>	<i>Sửa lại ở Khoản 3 Điều 21 là:</i> 3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.	Khoản 3 Điều 21 Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		<p><i>Khoản 4 Điều 20. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành</i></p>	<p><i>Chuyển sang Khoản 9 Điều 22: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i></p>	
	“	<p><i>Không có khoản này trong Điều 20</i></p>	<p><i>Bổ sung thêm ở khoản 4 Điều 21: 4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</i></p>	<p>Theo Khoản 4 Điều 21 Điều lệ mẫu</p>
	<p>Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội</p>	<p><i>Khoản 4 Điều 21</i></p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đầu không hợp lệ.</p> <p>Tại thời điểm Tổng Công ty tổ chức kiểm Phiếu lấy ý kiến, trường hợp Tổng Công ty chưa nhận được Phiếu lấy ý kiến từ các cổ đông thì được coi như các cổ đông đó đồng ý thông qua những nội dung xin ý kiến tại Tờ trình của Hội đồng quản trị Tổng Công ty</p>	<p><i>Tách ra và sửa đổi ở Khoản 4, Khoản 5 Điều 22:</i></p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p>Khoản 5 Điều 22 Điều lệ mẫu</p>

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><i>Điều 22 ghi:</i> Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.</p>	<p><i>Sửa lại:</i> Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ</p>	<p>Điều 23 - Điều lệ mẫu</p>

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
			<p>tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	<p><i>Khoản 1 Điều 24:</i></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống..</p>	<p><i>Sửa lại ở Điều 26 :</i></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>- Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Khoản 1 và 2 Điều 26 - Điều lệ mẫu
	Điều 24. Thành phần	<p><i>Khoản 3 Điều 24:</i></p> <p>3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 8% số cổ phần có quyền biểu</p>	<p><i>Sửa lại ở Khoản 2 Điều 25:</i></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong</p>	

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
	và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên	thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Theo Khoản 2 Điều 25 - Điều lệ mẫu
	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	<i>Khoản 6. Điều 24:</i> 6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	<i>Bỏ khoản này:</i> 	Không có trong Điều lệ mẫu theo Điều 26- Điều lệ mẫu
	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	<i>Khoản 3, Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:</i> 3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ; d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty; e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng	<i>Sắp xếp và sửa lại ở Khoản 2 Điều 27:</i> 2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;	Theo Điều 27 Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		<p>Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Tổng Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Tổng Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Tổng Công ty</p>	<p>d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;</p>	

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
			p. Các quyền và nghĩa vụ khác Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	
		Khoản 6 Điều 25: 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty.	Sửa lại ở Khoản 5 Điều 27 5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	
	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	<p><i>Khoản 7, 8, 9,10 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:</i></p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (<i>không tính các đại diện được ủy quyền thay thế</i>) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (<i>bao gồm cả chức vụ Chủ tịch</i>), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Tách ra thành Điều 28 . Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận</p>	Theo Điều 28- Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		<p>Không có điều khoản tương ứng</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Đối với thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách: Tiền lương, thù lao được thực hiện tương ứng với mức tiền lương, thù lao của thành viên chuyên trách HĐQT. Đối với thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách, mức thù lao thực hiện tính theo tháng không vượt quá 20% mức tiền lương, thù lao của thành viên chuyên trách HĐQT.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	
	Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p><i>Khoản 1 và 2 Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch HĐQT. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Tổng Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Khi chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các</p>	<p><i>Sửa lại ở Điều 29:</i></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	Theo Điều 29- Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ tạm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán		
	Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT	<p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Đa số thành viên Ban kiểm soát. 	<p><i>Sửa lại ở Khoản 3 Điều 30</i></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ban kiểm soát; b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật 	Theo Điều 30- Điều lệ mẫu
	“	<p><i>Khoản 7 Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</i></p> <p>7.....</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu rừ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p><i>Sửa lại ở Khoản 7, Điều 30</i></p> <p>7.....</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p>	Theo Khoản 7- Điều 30- Điều lệ mẫu
	“	<p><i>Không có trong Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</i></p>	<p><i>Bổ sung thêm khoản 10:</i></p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	Bổ sung thêm khoản 10 như theo Điều 30- Điều lệ mẫu


TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
	“	<i>Không có trong khoản 9 Điều 28</i>	<i>Bổ sung thêm vào điểm e khoản 11</i> e.Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Điểm e khoản 11 Điều 30
	“	Điểm i Khoản 9, Điều 28 i. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp	<i>Sửa lại ở Khoản 15 Điều 30:</i> 15.Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	Khoản 15 Điều 30
	“	<i>Điểm j, Điểm k Khoản 9 Điều 28:</i> j. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. k. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu	<i>Chuyển thành Điều 31- Các tiểu ban thuộc HĐQT và sửa lại là:</i> 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.	Điều 31- Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.		
	Điều 32. Thư ký Công ty	<p>Điều 32. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Tổng Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý, Thư ký Tổng Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; b. Làm biên bản các cuộc họp; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. <p>Thư ký Tổng Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; 	Điều 32- Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
			<p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
	Điều 36. Thành viên ban kiểm soát	<p><i>Khoản 2 Điều 36. Thành viên ban kiểm soát</i></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 8% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm Soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 8% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên</p>	<p><i>Sửa lại ở Khoản 1 và 2 Điều 36. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên</i></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	Theo Điều 36- Điều lệ mẫu
	Điều 36. Thành viên ban kiểm soát	<p><i>Khoản 1 Điều 36 - Thành viên ban kiểm soát</i></p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng</p>	<p><i>Sửa thành khoản 1,2, 3 Điều 37. Kiểm soát viên</i></p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	Theo Điều 37- Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		<p>Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Tổng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>.....</p> <p>Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	
	Điều 32. Thành viên ban kiểm soát	<p><i>Khoản 3 Điều 36</i></p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Tổng Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong</p>	<p><i>Sửa lại thành khoản 4,5 tại Điều 37. Kiểm soát viên</i></p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường</p>	Theo Điều 37- Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		<p>thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	
	Điều 37. Ban kiểm soát	<p><i>Khoản 1 và 2 Điều 37:</i></p> <p>1. Tổng Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Tổng Công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của Tổng Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi</p>	<p><i>Khoản 1 và 2 Điều 38. Ban kiểm soát</i></p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của</p>	Theo 1 và 2 Điều 38 - Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		<p>của ban quản lý.</p> <p>i. Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban chứng khoán nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.</p> <p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. .</p>	<p>pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên HĐQT phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT.</p>	
	<p>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p><i>Điều 34:</i> Không có khoản này</p>  <p><i>Khoản 3. Điều 34</i> 3. Tổng Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác</p>	<p><i>Bổ sung thêm khoản 1 ở Điều 40:</i> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p><i>Sửa lại ở Khoản 4 Điều 40:</i> 4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo</p>	<p>Khoản 1 và 4 Điều 40- Điều lệ mẫu</p>

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
			nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	
	Điều 44. Phân phối lợi nhuận	<i>Khoản 2. Điều 44</i> 2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.	<i>Bỏ khoản này trong Điều 44. Phân phối lợi nhuận</i>	Theo Điều 44 Điều lệ mẫu
	“	Khoản 6 Điều 44 Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức	<i>Bỏ khoản này trong Điều 44</i>	Không có trong Điều 44 Điều lệ mẫu
	“	Khoản 7 Điều 44 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty . Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan	<i>Sửa lại ở Khoản 5 Điều 44</i> Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán , Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông . Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác	Theo Khoản 5 Điều 44 Điều lệ mẫu
	Điều 54. Chấm dứt hoạt động	<i>Khoản 1. Điều 54</i> 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;	<i>Sửa lại ở Điều 52 là</i> 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;	Khoản 1. Điều 52 Điều lệ mẫu

TT	Điều khoản của Điều lệ hiện hành	Nội dung của điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mới	Lý do bổ sung /sửa đổi
		<p>b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p>	<p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
	Điều 57. Thanh lý	<p><i>Khoản 3 Điều 57</i></p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c. Thuế và các khoản nợ có tính chất thuế mà Tổng Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;</p> <p>Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước</p>	<p><i>Sửa lại ở Khoản 3 Điều 54</i></p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Nợ thuế;</p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	Theo Khoản 3, Điều 54 Điều lệ mẫu
	Điều 60 Ngày hiệu lực	<p><i>Khoản 1 Điều 60</i></p> <p>Bản điều lệ này có 50 trang gồm 23 chương 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An nhất trí thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2015 tại Nghệ An và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này</p>	<p><i>Sửa lại ở Khoản 1, Điều 57</i></p> <p>Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An nhất trí thông qua</p>	

